

Số: **34** /2017/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày **03** tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về viễn thông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung;

Căn cứ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 784 ngày 28/8/2017 và Báo cáo số 185/BC-STP ngày 22/8/2017 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/10/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP4, VP6/

ĐN08/QĐTT2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tổng Quang Thìn

QUY ĐỊNH

Quản lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 34 /2017/QĐ-UBND ngày 03 /10/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý cáp viễn thông bao gồm: Yêu cầu kỹ thuật cáp viễn thông và công trình hạ tầng đi cáp viễn thông; dùng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông; điều kiện thi công, cấp phép thi công, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông; sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa và xử lý cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Quy định này không áp dụng đối với các tuyến cáp quang, cáp đồng thả biển hoặc đi ven thềm lục địa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, phê duyệt quy hoạch và đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Cáp viễn thông* là tên gọi chung chỉ cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục (cáp truyền hình) được dùng để truyền thông tin trong mạng viễn thông thuộc quản lý chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. *Cáp treo* là cáp viễn thông được lắp đặt trên hệ thống đường cột và các cấu trúc đỡ khác.

3. *Cáp thuê bao* là đoạn cáp viễn thông từ hộp cáp, hố cáp, bộ chia tín hiệu truyền hình đến thiết bị đầu cuối đặt trong nhà thuê bao. Cáp thuê bao còn gọi là cáp vào nhà thuê bao hay dây thuê bao.

4. *Đường hầm* là một kết cấu có dạng và kích thước khác nhau, đủ lớn và được đặt dưới mặt đất, dùng để lắp đặt các công trình ngoại vi viễn thông và cả trang thiết bị của nhiều ngành khác (điện lực, cấp thoát nước), nhân viên có thể đi lại trong đường hầm để lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng các trang thiết bị được lắp đặt.

5. *Cột treo cáp* là cột bằng thép hoặc bê tông cốt thép dùng để treo cáp viễn thông.

6. Hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông bao gồm cột treo cáp và hạ tầng kỹ thuật ngầm.

7. Hạ tầng kỹ thuật ngầm là công trình hạ tầng kỹ thuật được xây dựng ngầm dưới mặt đất để lắp đặt cáp (bao gồm cống cáp, bể cáp, hào và tuynel kỹ thuật).

Điều 4. Nguyên tắc quản lý cáp viễn thông

1. Việc lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác cáp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, quy hoạch xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các quy hoạch khác có liên quan; đúng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị.

2. Khuyến khích các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông.

3. Việc đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải đồng bộ với các công trình khác; mạng cáp viễn thông phải được ngầm hóa 100% tại các tuyến đường xây dựng mới trong khu đô thị, khu dân cư.

4. Bất kỳ một bộ phận nào của công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông bị hư hỏng, không còn sử dụng hoặc ngưng sử dụng phải được tháo dỡ và thu hồi; cáp viễn thông phải được sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa.

5. Cáp viễn thông phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2013/TTLT-BXD-BCT-BTTTT ngày 27/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống được lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

6. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật đi ngầm cáp viễn thông được hỗ trợ ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

7. Các hành vi vi phạm gây ảnh hưởng đến an toàn cáp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông, tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương II

YÊU CẦU KỸ THUẬT CÁP VIỄN THÔNG VÀ CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐI CÁP VIỄN THÔNG

Điều 5. Điều kiện sử dụng cáp treo

1. Các trường hợp được sử dụng cáp treo

a) Khu vực không còn khả năng đi cáp ngầm trong các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm tại khu vực đô thị.

b) Khu vực các tuyến đường liên thôn, liên xã tại khu vực nông thôn; khu vực vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

c) Khu vực địa chất không phù hợp để đi cáp ngầm.

d) Khu vực chưa có quy hoạch đô thị, chưa có khu dân cư, chưa có đường giao thông.

e) Khu vực dọc các tuyến đường chưa có quy hoạch ổn định, chưa xác định được các mốc lộ giới của đường bộ.

g) Khu vực dùng để cung cấp dịch vụ tạm thời.

2. Các trường hợp không được sử dụng cáp treo

a) Tổng số cáp của một doanh nghiệp hoặc một tổ chức được cấp giấy phép kinh doanh treo trên một tuyến không vượt quá 5 cáp.

b) Cáp vượt qua đường cao tốc, đường giao thông có độ rộng lớn hơn 70m và các tuyến đường trọng điểm theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (nếu có).

Điều 6. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp treo

Ngoài những quy định bắt buộc tại Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (sau đây gọi tắt là *Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT*), công trình cáp treo phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Không trồng cột mới đối với các tuyến đường đã có cột treo cáp, trừ trường hợp cột treo cáp trên các tuyến đường đó không có khả năng để treo thêm cáp. Trên mỗi cột treo cáp, mỗi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (chủ sở hữu cáp) không treo nhiều hơn 01 (một) tủ/hộp cáp và không được quấn cáp xung quanh thân cột.

2. Cáp dự phòng có chiều dài tối đa không quá 10 (mười) mét, được quấn thành đường tròn (đường kính nhỏ hơn 0,6 mét) đưa vào mặt sau của cột và được cố định chắc chắn vào thân cột, điểm thấp nhất của vòng tròn cáp dự phòng cách mặt đất tối thiểu là 03 (ba) mét. Khoảng cách giữa 2 (hai) vòng tròn cáp dự phòng của một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (chủ sở hữu cáp) gần nhau tối thiểu 200 (hai trăm) mét.

3. Cáp viễn thông phải gắn thẻ nhận biết theo Phụ lục I của Quy định này.

4. Khi treo thêm cáp viễn thông trên các tuyến đường đã được sắp xếp, chỉnh trang phải bảo đảm đúng yêu cầu kỹ thuật của tuyến cáp treo và phải bỏ vào tuyến cáp đã được sắp xếp.

5. Trước khi treo thêm cáp viễn thông (trừ cáp thuê bao) trên hệ thống cột đã có thì tổ chức, cá nhân phải báo cáo bằng văn bản và gửi kèm bản vẽ thiết kế tuyến cáp đó đến Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị sở hữu cột treo cáp.

6. Cáp viễn thông treo trên cột điện của ngành điện không được vượt quá kết cấu chịu lực của cột điện, phải đảm bảo an toàn của ngành điện và các ngành liên quan.

7. Cáp vượt qua đường bộ, qua cầu, cáp đi song song với công trình đường bộ phải tuân thủ phạm vi bảo vệ trên không và khoảng cách an toàn đường bộ theo chiều ngang quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày

23/9/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Cáp qua sông phải đảm bảo tĩnh không theo Quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa; trên sợi cáp thấp nhất và tại vị trí thấp nhất phải treo biển báo độ cao.

Điều 7. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp trong cống bê, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm

1. Cáp trong cống bê, cáp chôn trực tiếp và cáp trong đường hầm phải tuân thủ các quy định kỹ thuật tại các điểm 2.2, 2.3, 2.4 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT; cáp phải gắn thẻ nhận biết theo quy định tại Phụ lục I của Quy định này.

2. Cáp đi ngầm qua đường bộ, qua sông phải tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa.

Điều 8. Yêu cầu kỹ thuật đối với tủ/hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu

Tuân thủ theo yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT và phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Tủ/hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu lắp trên cột phải bố trí ở mặt sau cột (*nhìn từ đường vào*) trừ những trường hợp bất khả kháng (*cột sát tường rào, ven ao hồ*), được cố định chắc chắn vào thân cột bằng đai chống rỉ; điểm thấp nhất của tủ/hộp cáp so với mặt đất không nhỏ hơn 2 (*hai*) mét. Không lắp bệ ghế kiểm tra tủ/hộp cáp.

2. Cáp vào, cáp ra tại vị trí các tủ/hộp cáp đều phải được luồn trong ống nhựa, đi song song thân cột và phải cố định chắc chắn bằng đai chống rỉ vào thân cột.

3. Việc lắp đặt các thiết bị tủ cáp, hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu trên công trình công cộng phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, tính thẩm mỹ và được đồng ý của tổ chức, cá nhân là chủ quản công trình đó.

4. Không treo tủ/hộp cáp, măng sông, bộ chia tín hiệu, cáp dự phòng trên cột điện chiếu sáng, cây xanh, cột có lắp các thiết bị điện (*trạm biến áp, thiết bị đóng cắt, tụ bù*).

Điều 9. Yêu cầu kỹ thuật đối với cáp thuê bao

1. Tuân thủ quy định tại điểm 2.6 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT.

2. Cáp thuê bao phải kéo thẳng, bó gọn và không để dự phòng trên cột. Độ dài cáp thuê bao không quá 300 (*ba trăm*) mét (tại khu vực các phường của thành phố Ninh Bình, các trung tâm huyện, thị trấn), các khu vực còn lại có thể dài hơn 300 (*ba trăm*) mét, nhưng phải đảm bảo độ suy hao tín hiệu trên đường dây trong phạm vi cho phép của doanh nghiệp.

3. Mỗi doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (chủ sở hữu cáp) được phép đi không quá 05 (*năm*) cáp thuê bao riêng lẻ trên cùng một tuyến, nếu vượt quá 05 (*năm*) cáp thuê bao riêng lẻ trên cùng một tuyến phải thay các sợi cáp thuê bao này bằng sợi cáp có dung lượng lớn hơn (*nhiều đôi*).

Điều 10. Yêu cầu tiếp đất và chống sét

Cáp viễn thông và tất cả các thành phần khác thuộc công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông đều phải tiếp đất chống sét theo quy định tại các tiết: 2.1.5, 2.2.5, 2.3.4, 2.4.5, 2.5.4, 2.6.4 Khoản 2 Quy chuẩn QCVN 33:2011/BTTTT. Dây nối đất phải được đặt trong ống nhựa bảo vệ và cố định vào thân cột.

Chương III

DÙNG CHUNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐI CÁP VIỄN THÔNG

Điều 11. Nguyên tắc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông

Chủ sở hữu hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có sử dụng hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông để thực hiện việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông theo nguyên tắc đảm bảo công bằng, hợp lý về quyền và lợi ích hợp pháp giữa các bên tham gia; sử dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông. Việc tham gia sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phải được sự thỏa thuận bằng văn bản của chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung hoặc hợp đồng thuê (*nếu có*) của hai bên.

2. Việc lắp đặt thêm các đường dây cáp, thiết bị vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải đảm bảo sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có.

3. Trong các trường hợp cụ thể nhằm đảm bảo an toàn giao thông, đảm bảo mỹ quan đô thị, quy hoạch đô thị và một số trường hợp khác thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ quyết định việc sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật.

4. Giá thuê sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông (*đối với công trình đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước*) do các bên tự thỏa thuận trên cơ sở quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các khung giá khác liên quan.

Điều 12. Trách nhiệm của chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông sử dụng chung

1. Căn cứ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và các quy hoạch khác, hàng năm, lập kế hoạch cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông sử dụng chung gửi Sở Thông tin và Truyền thông - cơ quan đầu mối hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có sử dụng hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông để phối hợp thực hiện việc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng mới.

2. Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung giá thuê hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông sử dụng chung (*đối với công trình được đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước*), tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông sử dụng chung.

3. Ký hợp đồng hoặc thỏa thuận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông theo thẩm quyền.

4. Tuân thủ quy định về quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy định tại Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và các quy định khác có liên quan.

5. Định kỳ 3 (ba) tháng, thực hiện kiểm tra, đánh giá và thông báo tình hình hoạt động của công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho các tổ chức, cá nhân có sử dụng hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông sử dụng chung.

6. Xây dựng, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu tình hình quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung, báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm đến Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 13. Trách nhiệm các tổ chức, cá nhân sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông

1. Cung cấp thông tin về đường dây cáp, thiết bị được lắp đặt trong công trình sử dụng chung cho chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông sử dụng chung.

2. Thông báo kịp thời cho chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành khi phát hiện các hiện tượng bất thường có thể gây ra sự cố, đồng thời phải có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia xử lý sự cố.

3. Phối hợp với chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các đơn vị liên quan khác thực hiện việc tháo dỡ, di chuyển ra khỏi công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung các đường dây cáp, thiết bị cần nâng cấp, thiết bị hư hỏng cần thay thế và các thiết bị có nguy cơ gây mất an toàn.

4. Khi lắp đặt thêm các thiết bị vào hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải được sự đồng ý của chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

5. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính, kỹ thuật đã cam kết trong hợp đồng dùng chung đã ký kết (nếu có).

Chương IV

ĐIỀU KIỆN THI CÔNG VÀ CẤP PHÉP THI CÔNG, XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐI CÁP VIỄN THÔNG

Điều 14. Điều kiện thi công công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về xây dựng; trừ các trường hợp được miễn giấy phép theo quy định tại Khoản 1 Điều 41 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Viễn thông (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 25/2011/NĐ-CP*) và phải có giấy phép thi công xây dựng công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác.

2. Các công trình được miễn giấy phép xây dựng quy định tại Khoản 1 Điều 41 Nghị định số 25/2011/NĐ-CP trước khi khởi công xây dựng công trình chủ đầu tư phải có văn bản thông báo thời điểm khởi công xây dựng công trình (*theo mẫu tại Phụ lục II của Quy định này*) cho Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 15. Cấp phép thi công, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông

1. Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện cấp phép thi công, cấp phép xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông theo quy định của pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

2. Cơ quan cấp phép thi công, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông theo quy định tại Khoản 1 Điều này, lấy ý kiến Sở Thông tin và Truyền thông về sự phù hợp quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, phương án dùng chung, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật ngành viễn thông trước khi cấp phép.

Chương V

SẮP XẾP, CHỈNH TRANG, NGÂM HÓA VÀ XỬ LÝ CÁP VIỄN THÔNG

Điều 16. Sắp xếp, chỉnh trang và ngâm hóa cáp viễn thông

1. Thực hiện theo Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và kế hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Sắp xếp, chỉnh trang cáp viễn thông phải đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Kéo căng, buộc gọn hệ thống dây cáp viễn thông;

b) Loại bỏ và thu hồi cáp viễn thông, măng sông, tủ/hộp cáp, bộ chia tín hiệu đã hư hoặc không còn sử dụng;

c) Sắp xếp cáp dự phòng, măng sông, tủ/hộp cáp treo trên cột theo đúng quy định tại Quy định này; gia cố, thay thế cột không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông và mỹ quan đô thị.

Điều 17. Xử lý cáp viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông khi bị sự cố

1. Khi cáp viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông và các thiết bị phụ trợ bị sự cố thì chủ sở hữu phải bố trí lực lượng có mặt kịp thời để xử lý nhằm đảm bảo an toàn giao thông và thông tin được thông suốt, đồng thời báo cho Sở Thông tin và Truyền thông biết để phối hợp xử lý.

2. Khi cột treo cáp viễn thông bị gãy hoặc bị nghiêng thì các đơn vị có cáp đi treo trên cột đó phải có trách nhiệm phối hợp với chủ sở hữu cột để gia cố, chỉnh sửa hoặc trồng cột mới (nếu cột bị gãy).

3. Các đơn vị có cột treo cáp và các đơn vị sử dụng cột treo cáp phải cung cấp các số điện thoại để thông tin, liên lạc. Khi có sự cố hoặc có tình huống khẩn cấp, trong thời gian 02 (hai) giờ, các bên phải phối hợp khắc phục ngay.

Chương VI TỔ CHỨC, THỰC HIỆN

Điều 18. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Xác nhận sự phù hợp quy hoạch mạng, quy hoạch phát triển ngành, kiểm tra, giám sát việc xây dựng mạng cáp của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch và danh mục các tuyến đường cần phải sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông; chủ trì thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa cáp viễn thông.

3. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Xây dựng trong việc tổ chức hiệp thương giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đi cáp viễn thông.

4. Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp tăng cường hợp tác, dùng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống cống, bể để ngầm hóa mạng cáp treo trên nguyên tắc đàm phán cùng có lợi.

5. Kêu gọi các tổ chức, cá nhân đủ năng lực theo quy định của pháp luật tham gia xã hội hóa việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông để sử dụng chung theo quy định của pháp luật.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử phạt các hành vi vi phạm trong đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác công trình mạng cáp và hạ tầng kỹ thuật mạng cáp trên địa bàn tỉnh theo quy định pháp luật.

Điều 19. Sở Giao thông vận tải

1. Trước khi triển khai các dự án cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông phải thông báo cho các tổ chức, đơn vị có công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông nằm trong phạm vi đất dành cho đường bộ biết, phối hợp di dời.

2. Khi quy hoạch xây dựng các công trình giao thông phải kèm theo việc quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông như đường cống, bể cáp, hào, hầm, tuynel kỹ thuật, cột treo cáp.

3. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm đối với việc đầu tư, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông trong phạm vi đất dành cho đường bộ.

Điều 20. Sở Xây dựng

1. Hướng dẫn đưa nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động vào các đồ án quy hoạch xây dựng tại các khu đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, khu kinh tế.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc thực hiện công tác bảo trì của chủ sở hữu hoặc đơn vị quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 21. Sở Công Thương

Kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình tăng cường quản lý các tuyến cột và sắp xếp, chỉnh trang lại các đường dây điện, cáp viễn thông hiện có treo trên hệ thống cột điện, bảo đảm đúng Quy định này và các quy định hiện hành khác có liên quan của Nhà nước.

Điều 22. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng tổ chức hiệp thương giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và những nội dung liên quan quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC- BXD-BTTTT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn cơ chế, nguyên tắc kiểm soát giá và phương pháp xác định giá thuê công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và các khung giá khác liên quan.

Điều 23. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan cấp phép xây dựng, cấp phép thi công công trình hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông theo thẩm quyền. Chỉ đạo các cơ quan chức năng trực thuộc kiểm tra, giám sát trong quá trình xây dựng, cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý.

2. Chỉ đạo giải quyết, kịp thời xử lý vi phạm đối với các trường hợp cố tình cản trở, gây rối, phá hoại việc xây dựng và khai thác sử dụng hạ tầng kỹ thuật thụ động trên địa bàn quản lý theo quy định pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan có liên quan kiểm tra, xử lý doanh nghiệp vi phạm các quy định về xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa, ngầm hóa mạng cáp, mạng cáp treo thuộc địa bàn quản lý.

4. Định kỳ 06 tháng, một năm báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 24. Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình

1. Quản lý chặt chẽ việc treo cáp viễn thông trên hệ thống cột điện. Có trách nhiệm lập hồ sơ quản lý các tuyến cột điện có treo cáp viễn thông gồm các nội dung: Đơn vị thuê cột điện; chủng loại và số lượng từng loại cáp treo trên cột điện; điểm đầu - điểm cuối của tuyến cáp viễn thông; số và ngày ký hợp đồng thuê cột điện (nếu có).

2. Kiểm tra, tính toán khả năng chịu lực và tải trọng an toàn của cột điện trước khi tiến hành làm thủ tục cho treo cáp viễn thông.

3. Thực hiện kiểm tra các tuyến cột điện là tài sản của Công ty TNHH MTV Điện lực Ninh Bình để phát hiện các thông tin về tình trạng cáp viễn thông: Tình trạng hiện tại (*độ võng, tính thẩm mỹ, bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho người dân xung quanh*) của tuyến cáp treo trên cột điện; số lượng cáp viễn thông phát sinh treo trên cột điện để báo cáo cho Sở Thông tin và Truyền thông nếu có dấu hiệu vi phạm.

4. Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Sở Thông tin và Truyền thông, các cơ quan, địa phương liên quan và các tổ chức, cá nhân sở hữu cáp viễn thông thực hiện việc sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa và xử lý các sự cố về cáp viễn thông.

Điều 25. Các đơn vị chủ sở hữu cáp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông

1. Đầu tư, xây dựng, sử dụng chung hệ thống cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, nếu tuyến, hướng của hệ thống cáp viễn thông giống nhau.

2. Phối hợp xây dựng kế hoạch, lộ trình ngầm hóa cáp viễn thông và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông.

3. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc sắp xếp, chỉnh trang và ngầm hóa các tuyến cáp viễn thông theo kế hoạch do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

4. Bố trí nhân lực, phương tiện, công cụ và kinh phí cho việc sắp xếp, chỉnh trang, ngầm hóa cáp viễn thông.

5. Định kỳ 3 (ba) tháng một lần, thực hiện kiểm tra các tuyến cáp viễn thông là tài sản của mình để cập nhật các thông tin: Tình trạng hiện tại (*độ võng, tính thẩm mỹ, bảo đảm an toàn giao thông và an toàn cho người dân xung quanh*) của tuyến cáp treo trên cột điện; số lượng cáp viễn thông phát sinh treo trên cột điện, báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông.

6. Định kỳ 06 tháng, một năm báo cáo kết quả thực hiện về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương VII
KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Điều 26. Khen thưởng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện và thông báo kịp thời cho Sở Thông tin và Truyền thông về những hành vi vi phạm quy định quản lý cấp viễn thông trên địa tỉnh được xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 27. Xử lý vi phạm

1. Thanh tra chuyên ngành Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Giao thông vận tải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm trong đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác cấp viễn thông và hạ tầng kỹ thuật đi cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền và quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân, nếu vi phạm Quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, đề xuất biện pháp giải quyết, gửi Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tông Quang Thìn



PHỤ LỤC I

KÝ HIỆU, MÀU SẮC TRÊN THẺ NHẬN BIẾT CẤP VIỄN THÔNG

(Kèm theo Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình)

TT	Tên doanh nghiệp	Ký hiệu	Màu nền	Màu chữ	Ghi chú
1	Viễn thông Ninh Bình	VT-VNPT	Vàng	Đen	
2	Viettel Ninh Bình	VT-VTEL	Vàng	Đỏ	
3	Tổng Công ty truyền hình cáp Việt Nam – Chi nhánh Ninh Bình	VT-VTVcab	Vàng	Xanh da trời (Blue)	
4	Mobifone tỉnh Ninh Bình	VT-VMS	Vàng	Cam	
5	Công ty TNHH truyền hình cáp Saigontourist (SCTV) – Chi nhánh Ninh Bình	VT-SCTV	Vàng	Nâu	
6	Công ty Cổ phần Viễn thông FPT- Chi nhánh Ninh Bình	VT-FPT	Vàng	Hồng	
7	Phát sinh đơn vị mới	Đăng ký với Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét bổ sung			

PHỤ LỤC II

MẪU THÔNG BÁO THI CÔNG CÔNG TRÌNH

(Kèm theo Quy định Quản lý cấp viển thông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình)

(Tên chủ đầu tư ...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về việc thi công công trình

(Tên chủ đầu tư thi công công trình):

Địa chỉ:

Điện thoại:

.....

Nay chúng tôi thông báo thi công công trình: (tên công trình).....

.....

.

- Vị trí tuyến (mô tả tuyến từ điểm đầu đến điểm cuối).....

- Văn bản phê duyệt của chủ đầu tư (nếu có) số: ... ngày ... tháng ... năm 20....

- Dự kiến thời gian thi công: từ ngày đến ngày

.....

- Cán bộ giám sát thi công: điện thoại:

.....

- Tên đơn vị thi công:

.....;

địa chỉ tại: điện thoại:

.....

(Chủ đầu tư) thông báo và đề nghị các ngành, địa phương liên quan quan tâm, hỗ trợ chúng tôi hoàn thành tốt việc thi công công trình. Chúng tôi cam kết thực hiện đúng các quy định có liên quan của Nhà nước.

Xin chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;

- ...;

- Lưu: VT, ...

Chủ đầu tư